

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 60/2024/DS-ST

Ngày 04/9/2024

Về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Tùng;
2. Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiêu Thanh Nhi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích A - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2024/TLST-DS ngày 14/6/2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-DS ngày 29/7/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng A (sau đây gọi là ABank); địa chỉ: Số nhà 266-268 đường N, Phường M, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn S; Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng A - Chi nhánh S- Phòng giao dịch T; địa chỉ: Số 45, đường A, ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Theo quyết định ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC, ngày 25/12/2023).

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Nhà không số, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh S.

(Anh Nguyễn S có mặt; chị Nguyễn Thị A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 27/3/2024 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ABank với người đại diện theo ủy quyền của ABank là anh Nguyễn S đều trình bày:

Ngày 24/8/2022, ABank - Chi nhánh S, Phòng giao dịch T với chị Nguyễn Thị A đã ký kết Hợp đồng tín dụng bằng hình thức lập Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng kèm bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng Thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân; hạn mức tín dụng 40.000.000 đồng; lãi suất 2,6%/tháng tính trên từng giao dịch phát sinh theo ngày và theo lãi suất áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Thực hiện Hợp đồng, ABank đã cấp Thẻ tín dụng loại Family, số 970403-8147 cho chị A sử dụng. Sau khi được cấp, kích hoạt Thẻ, chị A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 42.460.000 đồng, mới thanh toán được 12.890.000 đồng thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ với số tiền vốn và lãi tính đến ngày 15/7/2023 là 42.834.020 đồng và theo quy định tại điểm b khoản 24.4 Điều 24 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân thì số tiền này được chuyển thành nợ gốc và từ ngày 16/7/2023, ABank đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Nay, ABank yêu cầu chị A có nghĩa vụ trả nợ cho ABank số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 04/9/2024 là 67.536.683 đồng (Sáu mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng). Ngoài ra, chị A còn phải trả tiền lãi từ ngày 05/9/2024 theo lãi suất của Hợp đồng đã ký đến khi trả hết nợ.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp là: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (bản sao có chứng thực); Quyết định ủy quyền ký hợp đồng và tham gia tố tụng số 3525/2023/QĐ-PC, ngày 25/12/2023 (bản sao có chứng thực); Quyết định tái bổ nhiệm nhân sự số 623/2023/QĐ-QTNNL, ngày 24/02/2023 (bản sao có chứng thực); Quyết định phát hành biểu phí sản phẩm dịch vụ ngày 28/10/2022 (bản sao); giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 2204217, ngày 24/8/2022 (bản sao có chứng thực); Phiếu yêu cầu sử dụng in từ portal (bản sao); Điều khoản sử dụng thẻ ngày 15/8/2019 (bản sao); Căn cước công dân và sổ hộ khẩu gia đình của Nguyễn Thị A (bản sao); Tóm tắt sao kê ngày 27/3/2024; Tóm tắt sao kê ngày 15/8/2024; Tóm tắt sao kê ngày 04/9/2024;

- Đối với bị đơn Nguyễn Thị A: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của ABank nhưng chị A không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Chị A còn vắng mặt không có lý do trong cả 02

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho chị A, trong đó có ghi nhận về phạm vi và yêu cầu khởi kiện của ABank tính đến ngày 27/3/2024, chị A còn nợ tiền vốn cùng tiền lãi là 57.999.204 đồng. Phiên tòa ngày 15/8/2024, bị đơn A vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ, tiếp tục không phản đối yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án. Do Hợp đồng hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Thị A phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi tính đến ngày 04/9/2024 là 67.536.683 đồng (Sáu mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng); quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

ABank yêu cầu chị Nguyễn Thị A, cư trú tại nhà không số, ấp Thanh Liêm, xã Đại Ân 2, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thanh toán tiền vốn vay và tiền lãi theo lãi suất tại Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/9/2024 là 67.536.683 đồng (Sáu mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng); bị đơn vay tiền sử dụng tiêu dùng cho cá nhân nên đây là giao dịch về dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S.

[2] Bị đơn Nguyễn Thị A được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt chị A.

[3] Về nội dung giải quyết.

Căn cứ Bản sao Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng Thẻ tín dụng ngày 24/8/2022 cũng như bảng Tóm tắt sao kê và việc không phản đối của chị A; đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; có cơ sở kết luận vào ngày 24/8/2022, chị Nguyễn Thị A đã giao kết Hợp đồng với Ngân hàng A - Chi nhánh S – Phòng giao dịch T để vay tiền bằng hình thức sử dụng Thẻ tín dụng, hạn mức 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,6%/tháng được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Thực hiện Hợp đồng vay này, ABank đã cấp Thẻ tín dụng loại Family, số 970403-8147 cho chị A sử dụng.

[4] Xét Giấy đề nghị cấp thẻ ngày 24 tháng 8 năm 2022 kèm bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng Thẻ tín dụng, thì thấy:

[4.1] Theo Quyết định ủy quyền của Tổng Giám đốc ABank, có nội dung ủy quyền và ủy quyền lại cho Trưởng/Phó phòng giao dịch trực thuộc Chi nhánh ký kết các loại hợp đồng tín dụng và phát hành thẻ, phù hợp với Điều 49 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ Ngân hàng; về phía bị đơn là chị A cũng không thuộc trường hợp quy định tại các điều 22, 23 và 24 của Bộ luật dân sự nên Trưởng phòng giao dịch ký phê duyệt Hợp đồng trên với bị đơn là đảm bảo điều kiện chủ thẻ quy định tại Điều 16, Điều 19 và Điều 86 của Bộ luật dân sự. Các đương sự đều thừa nhận và không phản đối sự kiện đã giao kết Hợp đồng, cũng không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe dọa hay cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện. Mục đích sử dụng tiền vay nhằm tiêu dùng cá nhân là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng. Hợp đồng còn chứa đựng đầy đủ điều khoản cơ bản về hạn mức tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán, cách tính lãi, điều chỉnh lãi suất, các loại phí cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117, Khoản 5 Điều 466, Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Vì vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đang tồn tại quan hệ hợp đồng vay tài sản hợp pháp, có hiệu lực bắt buộc phải thi hành.

[4.2] Tuy nhiên, sau khi được cấp, kích hoạt Thẻ; chị A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 42.460.000 đồng, mới thanh toán được 12.890.000 đồng thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bị đơn đã có lỗi, ABank khởi kiện và tính tiền lãi đúng thỏa thuận tại Điều 20, Điều 22 của Hợp đồng kèm theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ, trong đó có cả điều chỉnh lãi suất nên chị

A có nghĩa vụ phải trả nợ tiền vốn và lãi vay quy định tại Điều 23 của Hợp đồng, bao gồm cả tiền lãi phát sinh từ ngày 05/9/2024 cho đến khi trả hết nợ vay.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể, chị A phải chịu án phí là 3.376.834 đồng.

[6] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với bị đơn chị Nguyễn Thị A, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc chị Nguyễn Thị A có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng A số tiền tính 67.536.683 đồng (Sáu mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng từ ngày 05/9/2024 cho đến khi trả hết nợ vay.

Trường hợp Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất mà bên vay phải trả cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 3.376.834 đồng (Ba triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm ba mươi bốn đồng).

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.449.980 đồng, theo Biên lai thu số 0004255 ngày 07/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Ngân hàng A có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; riêng chị Nguyễn Thị A, có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ; đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KTNV&THA);
- Lưu HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THẠCH THỊ SA THE